|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***6/3/2024*** | ***8/3/2024*** |
| ***25/2/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***1,2*** | ***2*** |
| **Lớp** | ***6E*** | |

|  |
| --- |
| **BÀI 8: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **TUẦN 26 – TIẾT 97,98,99**  **VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT**  **( Kim Hạnh Bảo,Trần Nghị Du)** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

-Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính,ti vi.

**2. Học liệu:**

**-** Tư liệu về tác giả Kim Hạnh Bảo và Trần Nghị Du và văn bản: “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY VÀ HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b.Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện**:

-Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Vấn đáp,thuyết trình.

-Kĩ thuật: Thuyết trình, gợi mở, vấn đáp.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  Chiếu cho học sinh quan sát bức tranh trong SGK. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát bức tranh, suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  - Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau  **B4: Kết luận, nhận định .**  GV :Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. | - Tạo hứng thú cho học sinh |

**2.HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Học sinh nắm được những nét cơ bản về nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

- Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả và tác phẩm .

- Biết được những nét chưng của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Gv hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.

+ HS nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.

- Nắm được thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc,hiểu trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

- Thời gian: 103 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Qua phần chuẩn bị bài ở nhà em hãy nêu cách đọc văn bản ?  - Đọc văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS suy ngĩ trả lời.  **Bước 3: Báo cáo,thảo luận.**  **-**HS đọc theo đoạn mà GV yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận,nhận định.**  - HS nhận xét.  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Qua phần chuẩn bị bài ở nhà trình bày hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm (Xuất xứ,thể loại,PTBĐ,bố cục,từ khó)  - ? Nối cột A với cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tổ tiên | a) Đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay, theo quan niệm duy tâm | | 2. Trực tiếp | b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất. | | 3. Tạo hóa | c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường | | 4. tuyệt chủng | d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian gián tiếp: không có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc mà phải qua khâu trung gian | | 5. Sinh thái | e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  -Hs làm BT.  **Bước 3: Báo cáo,thảo luận.**  **-**HS trình bày .  **Bước 4: Kết quả,nhận định.**  **-**GV yêu cầu hs nhận xét.  - GV nhận xét , đánh giá và chốt kiến thức.  . | **2.Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tác giả: Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du  **b.Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Trích từ *Bách khoa trị thức tuổi trẻ: 10 vạn câu hỏi vì sao – Động vật.*  **-Thể loại** *văn bản nghị luận(Nghị luận xã hội)*  **\* Khái niệm**: **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) là nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.  **Ví dụ:**  + Suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.  + Suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.  + Suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.  …  \* **Mục đích:** thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề nào đó.  \* **Các thành tố quan trọng** của văn bản nghị luận xã hội:  - Ý kiến: là vấn đề chính mà văn bản bàn luận.  - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.  - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.  => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:  **Lí lẽ 1**  ………  **Lí lẽ 2:**  ……..  **Lí lẽ 3:**  .......  ***Bằng chứng****:*  *……….*  ***Bằng chứng***  ……….  ***Bằng chứng***  ………  **Ý KIẾN**  **-Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận (nghị luận xã hội)  **-Nội dung khái quát:** Lí do con người cần đối xử thân thiện với động vật.  **- Bố cục:** 4 phần  - Phần 1: Đoạn 1,2: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.  - Phần 2: Đoạn 3: Vai trò của động vật trong hệ sinh thái  - Phần 3: Đoạn 4: Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật.  - Phần 4: Còn lại : Lời kêu gọi bảo vệ động vật. |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***Thảo luận cặp đôi theo bàn:***  ? Ở văn bản này, người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Để bảo vệ quan điểm đó, người viết đã đưa ra hệ thống những lí lẽ nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. * GV quan sát, động viên.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Dự kiến sản phẩm**: Hệ thống lí lẽ:  + Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người  + Vai trò của động vật với hệ sinh thái  + Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật  + Lời kêu gọi bảo vệ động vật  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV yêu cầu Hs nhận xét.  - GV nhận xét,chốt kiến thức. | **II. Đọc,hiểu văn bản**  **1.Vấn đề nghị luận:** Con người cần đối xử thân thiện với động vật. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu Hs Thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép.**  **VÒNG 1**: **Nhóm chuyên gia:**  **Nhiệm vụ**: Hoàn thành phiếu HT số 01:  các nhóm tìm hiểu các lí lẽ và bằng chứng mà người viết đưa ra để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận (các nhóm tìm hiểu theo đoạn văn được phân công).  **VÒNG 2:** **Nhóm mảnh ghép:** Tạo nhóm mới và thực hiện nhiệm vụ mới:  - Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên gia.  - *Tác giả thể hiện thái độ như thế nào trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật?*  *- Văn bản đã giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm thêm các lí lẽ hoặc bằng chứng để làm sáng rõ sự cần thiết phải đối xử thân thiện với động vật.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\** VÒNG 1**: Nhóm chuyên gia:  ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 5 phút đầu: Các thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  **Gợi ý**: các lí lẽ bổ sung để thấy cần đối xử thân thiện với động vật:  + Động vật cung cấp nguyên liệu: thực phẩm (rươi, ốc, mực, tôm, cá, ếch, rắn, gà, lợn, bò,...), lông (thỏ, cừu, dê, vịt,...), da (tuần lộc, hổ, trâu,...).  + Động vật làm thí nghiệm: khoa học (ếch, chuột bạch,...), thuốc (thỏ, chuột bạch,...).  + Động vật hỗ trợ cho con người: lao động (trâu, bò, voi, ...), giải trí (cá voi, hải cẩu, voi, hổ, vẹt, sáo,...), bảo vệ an ninh (chó). | **2. Hệ thống lí lẽ và bằng chứng**  **2.1. Sự gắn bó của động vật với tuổi thơ và cuộc sống mỗi người**  - Đoạn 1: Động vật gắn liền với tuổi thơ con người:  =>Bằng chứng:  + Nhiều người từng dành hàng giờ ngồi nhìn lũ kiến "hành quân".  + Buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Đoạn 2: Động vật gắn liền với cuộc sống con người:  =>Bằng chứng:  + Gà trống gáy gọi thức dậy.  + Mẻ tôm, cá chế biến những món thanh đạm.   * Nghệ thuật: liệt kê   🡺Đoan 1, 2 nhằm khẳng định vai trò không thể thiếu của động vật đối với cuộc sống con người.  **2.2. Vai trò của động vật với hệ sinh thái**  =>Bằng chứng:  + Khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  + Tất cả loài vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với con người.  + Mất đi 1 loài cũng tạo vết khuyết trong hệ sinh thái (môi trường sinh tồn của con người).  => Con người, động vật, và môi trường sinh thái có mối quan hệ chặt chẽ với nhau*.*  **2.3. Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật**  - Bằng chứng:  + Số lượng các loài động vật giảm đi rõ rệt, nhiều loài trên nguy cơ tuyệt chủng.  + Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại.  + Nhiều loài bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát.  - Thái độ của tác giả: bất bình trước việc con người đối xử không thân thiện với động vật.  Thái độ ấy thể hiện rõ nhất ở câu văn: Môi trường sống cùa động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn.  **2.4. Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  - Bằng chứng: Khi hiểu được động vật, con người sẽ:  + Không phá rừng, chặt cây vì nhu cầu riêng (muốn có thịt bò, muốn vót đũa)  + Không lạm dụng và cướp đi môi trường của chúng.  → Hãy đặt bản thân vào vị trí của động vật để cảm nhận.  Nghệ thuật: đối lập; phép điệp cấu trúc  - Rút ra bài học nhận thức: Hành động con người cần có: thay đổi suy nghĩ và hành động hướng tới bảo vệ Trái Đất để động vật cũng có quyền được sống như con người.  ➩ Nhấn mạnh sự cần thiết phải đối xử thân thiện với động vật. |

**PHIẾU HỌC TẬP 01:**

**Tìm hiểu hệ thống lí lẽ và bằng chứng của bài viết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | **BP nghệ thuật** |
| **Nhóm 1 (Đoạn 1, 2)** | …………… | …………. | ………… |
| **Nhóm 2 (Đoạn 3)** | …………… | …………. | ………… |
| **Nhóm 3 (Đoạn 4, 5)** | …………… | …………. | ………… |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận trong bàn trong 02 phút:**  **+** Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả bài viết?  + Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Hs thảo luận bàn 2 phút.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Các nhóm cử đại diện trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  +Hs các nhóm nhận xét chéo.  +GV nhận xét chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu, cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.  - Cách đan xen phương thức miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **2. Nội dung, ý nghĩa :**  - Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái.  **-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3.LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời học sinh về bài tập luyện tập mà giáo viên đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- KT: Động não.

- Thời gian: 15 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **?** Từ việc đọc hiểu văn bản "Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?", em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của một bài văn nghị luận.  ? Chỉ ra những lưu ý khi đọc hiểu một văn bản nghị luận xã hội.  ? Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi.  -Hs vẽ bản đồ tư duy,  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -Hs trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **-**Hs nhận xét,  -Gv nhận xét,chốt kiến thức. | **III.Luyện tập** |

**Gợi ý**

\* **Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:**  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**\* Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận:**

- Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.

- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.

- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.

- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản.

**\*Bản đồ tư duy*.***

***Bằng chứng***

………

**Lí lẽ 4:**

.......

**Lí lẽ 1**

………

**Lí lẽ 2:**

……..

**Lí lẽ 3:**

.......

***Bằng chứng****:*

*……….*

***Bằng chứng***

……….

***Bằng chứng***

………

**Ý KIẾN: Con người cần đối xử thân thiện với động vật**

**4.HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

-HS vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập.

**b. Nội dung:**Hs vẽ tranh cổ động hoặc thiết kế porter để tuyên truyền bảo vệ động vật?

**c. Sản phẩm***:*Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Vấn đáp,thuyết trình.

- Kỹ thuật: Động não.

- Thời gian:  10 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  H: Vẽ tranh cổ động hoặc thiết kế porter để tuyên truyền bảo vệ động vật?(Bài tập về nhà)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học làm bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -GV thu sản phẩm, nhận xét.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **IV.Vận dụng** |

**\*Giao bài,hướng dẫn học sinh làm bài ở nhà và chuẩn bị bài tiếp theo( 2 phút)**

1. Nắm được nội dung,ý nghĩa của văn bản.

2. Hoàn thành bài tập.

3. Đọc và trả lời câu hỏi bài: “ Khan hiếm nước ngọt”

+Đọc và trả lời câu hỏi tìm hiểu bài SGK/53.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | ***11/3/2024*** | ***12/3/2024*** |
| ***25/2/2024*** | **Tiết (TKB)** | ***4*** | ***5*** |
| **Lớp** | ***6E*** | |

|  |
| --- |
| **TIẾT 100, 101: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**  **(Trịnh Văn)** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước

- Xác định được Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

**3. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:*HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.

- *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.

- *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt. Tự hào về vốn từ phong phú Hán Việt của nước mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy tính,ti vi.

**2. Học liệu:**

**-** Tư liệu về tác giả Trịnh Văn và văn bản: “ Khan hiếm nước ngọt”

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.HOẠT ĐỘNG 1.MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b.Nội dung**: Hs xem bức tranh và trả lời câu hỏi: “ *Các bức ảnh đều đề cập đến thực trạng nào? Em có suy nghĩ gì sau khi xem những hình ảnh trên?*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện**:

-Thời gian: 5 phút

- Phương pháp: Vấn đáp,thuyết trình.

-Kĩ thuật: Thuyết trình, gợi mở, vấn đáp.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  Chiếu cho học sinh quan sát bức tranh trong SGK. *Các bức ảnh đều đề cập đến thực trạng nào? Em có suy nghĩ gì sau khi xem những hình ảnh trên?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát bức tranh, suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  - Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau  **Bước 4: Kết luận, nhận định .**  GV :Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. | - Tạo hứng thú cho học sinh |

**2.HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả và tác phẩm .

- Biết được những nét chưng của văn bản: thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

- Gv hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.

+ HS nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.

- Nắm được thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.

**b. Nội dung.**

**-** Vận dụng kĩ năng đọc,hiểu trình bày thể loại, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.

-Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS trả lời, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích, bình giảng, nêu vấn đề

- Kỹ thuật: Động não.

- Thời gian: 65 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Qua phần chuẩn bị bài ở nhà em hãy nêu cách đọc văn bản ?  - Đọc văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS suy ngĩ trả lời.  **Bước 3: Báo cáo,thảo luận.**  **-**HS đọc theo đoạn mà GV yêu cầu.  **Bước 4: Kết luận,nhận định.**  - HS nhận xét.  - GV nhận xét , đánh giá, sửa lỗi sai cho HS.  - GV chuyển mục tiếp: tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm. | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Đọc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Qua phần chuẩn bị bài ở nhà trình bày hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm (Xuất xứ,thể loại,PTBĐ,bố cục,từ khó)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  -HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.    **Bước 3: Báo cáo,thảo luận.**  **-**HS trình bày .  **Bước 4: Kết quả,nhận định.**  **-**GV yêu cầu hs nhận xét.  - GV nhận xét , đánh giá và chốt kiến thức. | **2.Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Tác giả: Trịnh Văn.  **b.Tác phẩm**  **- Xuất xứ** :Theo báo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.. **-Thể loại:** Văn nghi luận(Nghị luận xã hội)  **- Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận  **- Vấn đề bàn luận:** nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần (vấn đề của văn bản nghị luận này thể hiện rõ ngay ở nhan đề)  **- Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):  -**Phần 1:** Nêu vấn đề khan hiếm nước ngọt.  - **Phần 2**: Thực trạng – Nguyên nhân- Hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  - **Phần 3:** Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản.   * *HS nhắc lại vấn đề nghị luận đã được rút ra trong phần tìm hiểu chung.*   *? Tác giả đã nêu vấn đề bằng cách nào? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách nêu vấn đề đó là gì?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  Gợi ý: người viết dùng lỗi lập luận bác bỏ (đưa ra một nhận định, sau đó khẳng định nhận định đó là sai)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -Hs trình bày.  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Đặt vấn đề**  - Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay.  - Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm:   + Người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền🡪 điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước.  + Khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.  🡺 Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc. |
| **Bước 1: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi phần 2 của văn bản.  Thảo luận nhóm Mảnh ghép:  **Vòng 1:** **Chuyên gia** (5 phút)  + GV chia lớp thành 06 nhóm nhỏ.  + Hoàn thành Phiếu học tập số 01 theo nhiệm vụ GV phân công.  **PHIẾU HỌC TẬP 01:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhóm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | **Nhóm 1, 2**  **(Đoạn 1 phần 2)** | …. | …… | | **Nhóm 3, 4**  **(Đoạn 2 phần 2)** | … | …… | | **Nhóm 5, 6**  **(Đoạn 3 phần 2)** | …. | …… |   **Vòng 2:** **Mảnh ghép:**  GV ghép nhóm mới – nhóm mảnh ghép. (05 phút):   * Chia sẻ kết quả thảo luận Phiếu học tập 01 ở vòng 1. * Nhóm mới thảo luận trả lời các câu hỏi:   *? Theo em, mục đích tác giả viết văn bản này là gì và được thể hiện rõ nhất ở câu văn, đoạn văn nào?*  *? Qua văn bản “Khan hiếm nước ngọt”, người viết thể hiện thái độ như thế nào đối với vấn đề nước ngọt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Vòng 1:** Nhóm chuyên gia ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Các nhóm thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành 2 phiếu học tập.  **GV**: Hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận,nhận định.**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | **2. Giải quyết vấn đề (Hệ thống lí lẽ và bằng chứng)**  - Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được:  + Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.  + Số nước ngọt không phải vô tận, lại đang bị ô nhiễm do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.  - Nước có vai trò quan trọng trong sinh hoạt hằng ngày nhưng tình cảnh thiếu nước ngọt đang ngày càng gia tăng:   * Một tấn ngũ cốc phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500-1500 tấn nước * Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn 15000 đến 70000 tấn.   + Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi  - Nguồn nước khan hiếm nhưng lại phân bố không đều.  + Vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang thiếu nước ngọt bà con còn phải đi xa vài cây số để lấy nước.  + Việc khai thác nước ngọt ở những vùng núi đá này rất tốn kém.  **3. Kết thúc vấn đề (Khẳng định và nêu giải pháp)**  - **Khẳng định vấn đề**:  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * **Nêu giải pháp:**   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên.    **\* Mục đích và thái độ của người viết:**  **- Mục đích**: Muốn kêu gọi và cảnh báo mọi người: cần tiết kiệm nước ngọt vì nước ngọt đang dần khan hiếm. Mục đích ấy thể hiện rõ nhất ở phần 1 và phần 3 của văn bản.  - **Thái độ của người viết**: nêu vấn đề rất nghiêm túc; bộc lộ sự lo lắng, trăn trở về việc nước ngọt đang dần khan hiếm. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hoạt động thảo luận theo cặp đôi trong bàn:  ***+*** *Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả.*  *+ Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS suy nghĩ, thảo luận và ghi ra giấy.  -GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Kết luận,nhận định.**  **-**Gv chốt kiến thức và chuyển sang phần tiếp theo... | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật:**  - Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.  **2. Nội dung:**  Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3.LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời học sinh về bài tập luyện tập mà giáo viên đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

- KT: Động não.

- Thời gian: 10 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **?** So với những điều em biết về nước, văn bản cho em thêm những hiểu biết gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -Hs trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **-**Hs nhận xét,  -Gv nhận xét,chốt kiến thức. | **III.Luyện tập** |

**4.HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

-HS vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập.

**b. Nội dung:**Hs viết đoạn văn ngắn khoảng 8 – 10 dòng về chủ đề môi trường, trong đó có sử dụng thành ngữ “*nhiều như nước”.*?

**c. Sản phẩm***:*Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Phương pháp: Vấn đáp,thuyết trình.

- Kỹ thuật: Động não.

- Thời gian:  10 phút

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  H: Viết đoạn văn ngắn khoảng 8 – 10 dòng về chủ đề môi trường, trong đó có sử dụng thành ngữ “*nhiều như nước”.* (Bài tập về nhà)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Hs nhận xét.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **IV.Vận dụng** |

**\*Giao bài,hướng dẫn học sinh làm bài ở nhà và chuẩn bị bài tiếp theo( 2 phút)**

1. Nắm được nội dung,ý nghĩa của văn bản.

2. Hoàn thành bài tập.